

Vietnam Daily Review

Xu hướng tích lũy tiếp tục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/5/2022	•		
Tuần 23/5-27/5/2022	•		
Tháng 5/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mở cửa với đà đi lên, tuy nhiên đà tăng này chậm dần về cuối phiên sáng và VN-Index quay đầu giảm trong phiên chiều, kết phiên gần như không thay đổi so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 10/19 ngành tăng điểm, trong đó đà tăng mạnh nhất đến từ ngành Viễn thông. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Thị trường hôm nay gặp lại cây nến Doji, cho thấy sự lưỡng lự của thị trường khá lớn quanh ngưỡng 1240. Trong những phiên tiếp theo, thị trường có thể sẽ tích lũy thêm lại vùng 1240 này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm nhẹ theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên giao dịch ngắn hạn và đóng các vị thế trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/05/2022, các chứng quyền giảm nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): FCN_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index **-0.93** điểm, đóng cửa **1240.71** điểm. HNX-Index **-1.01** điểm, đóng cửa **307.02** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.78)**, **DIG (+0.47)**, **ACB (+0.31)**, **PNJ (+0.25)**, **MBB (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-1.00)**, **MSN (-0.91)**, **VCB (-0.83)**, **GAS (-0.62)**, **VHM (-0.47)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 11.526 tỷ đồng, giảm **0.87%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12.460 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 20.63 điểm. Thị trường có **209** mã tăng, 71 mã tham chiếu và **223** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-423.46** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-165.75 tỷ)**, **SSI (-137.52 tỷ)**, **VIC (-71.96 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **1.95** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1240.71**
Giá trị: 11526.27 tỷ **-0.93 (-0.07%)**
Khối ngoại (ròng): -423.46 tỷ

HNX-INDEX **307.02**
Giá trị: 1522.35 tỷ **-1 (-0.32%)**
Khối ngoại (ròng): 1.95 tỷ

UPCOM-INDEX **94.11**
Giá trị: 0.7 tỷ **-0.47 (-0.5%)**
Khối ngoại(ròng): 38.23 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	111.7	-0.50%
Giá vàng	1,846	0.22%
Tỷ giá USD/VND	23,150	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	24,501	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	18,074	-0.22%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	6.74%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DPM	129.1	HPG	-165.7
FUEVFNVD	41.4	SSI	-137.5
DCM	29.8	VIC	-72.0
HDB	21.7	DGC	-44.3
HDG	20.7	VCI	-32.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 20/05

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	112.21	2.39%	5.73%	9.81%	81.16%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	111.41	2.11%	3.69%	4.78%	71.11%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.82	2.54%	0.62%	16.96%	86.36%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1842.03	1.46%	1.11%	-5.89%	-1.85%		PNJ
Bạc	USD/ounce	21.93	2.47%	6.11%	-12.92%	-20.96%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1690.50	1.67%	4.76%	-1.54%	10.26%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1200.50	-2.46%	1.85%	9.39%	77.79%		AFX
Sữa	USD /cwt	25.12	0.56%	0.68%	3.50%	32.35%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	243.40	0.41%	-1.82%	-9.18%	-5.66%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	1420.00	0.00%	0.00%	3.88%	7.98%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	16.99	1.04%	-1.11%	3.66%	27.90%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	219.15	0.25%	1.93%	0.16%	45.18%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.29	2.46%	4.38%	-7.89%	-6.48%	HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4839.00	-1.35%	-3.78%	-6.29%	-4.29%		
Nhôm	USD/ton	2925.00	2.36%	6.67%	-10.52%	23.34%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	123.00	-1.60%	-3.15%	-16.04%	-41.57%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	412.00	-0.48%	7.01%	28.35%	315.74%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô Brent giao tháng 7 kết thúc ở mức 112.04 USD, tăng 2.93 USD/thùng, tương đương 2.7%. Giá dầu thô Tây Texas Mỹ (WTI) giao tháng 6 tăng 2.62 USD, tương đương 2.4% lên 112.21 USD/thùng.
- Giá dầu phục hồi sau hai ngày giảm trong không khí giao dịch đầy biến động, được củng cố bởi sự suy yếu của đồng đô la và kỳ vọng rằng Trung Quốc có thể nới lỏng một số hạn chế chống COVID, từ đó thúc đẩy nhu cầu.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay lúc kết thúc ngày 19/5 theo giờ Việt Nam tăng 1.4% lên 1,840.97 USD/ounce, trong khi vàng giao tháng 6/2022 tăng 1.4% lên 1,841.2 USD.
- Giá vàng đã tăng 1.4% do USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giảm làm tăng sức hấp dẫn của nơi trú ẩn an toàn là vàng thỏi, sau khi dữ liệu việc làm của Mỹ không khả quan làm gia tăng lo ngại về tăng trưởng kinh tế của nước này.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất, kỳ hạn tháng 9, trên Sàn giao dịch Hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc kết thúc phiên tăng 0.2% lên 818 nhân dân tệ (120.92 USD)/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tương lai giao dịch trên các sàn Đại Liên và Singapore đều hồi phục trong ngày 19/5 khi Bắc Kinh phát tín hiệu sẽ có những chính sách hỗ trợ hơn nữa để đối phó với những thách thức từ dịch COVID-19 ở Trung Quốc, nhà sản xuất thép hàng đầu thế giới.

Giá cao su

- Cao su kỳ hạn tháng 10 trên sàn Osaka kết thúc phiên giảm 3.0 yên, tương đương 1.2%, xuống 244.5 yên (1.91 USD)/kg.
- Giá cao su kỳ hạn tương lai trên thị trường Nhật Bản giảm trong ngày 19/5, do đồng yên tăng giá và chỉ số Nikkei giảm.

Giá nông sản

- Hợp đồng cà phê arabica giao tháng 7 tăng 1.1%, tương đương 0.5%, lên 2.187 USD/lb sau khi giảm 4% trong phiên trước, do các nhà đầu tư lo ngại về nguy cơ băng giá gây ảnh hưởng đến sản lượng ở nhà sản xuất hàng đầu thế giới - Brazil.
- Giá lúa mì Mỹ tiếp tục giảm khi các thương nhân tìm cách chốt lời trong bối cảnh thời tiết mùa ở Bắc Bán cầu có nơi tốt, có nơi xấu và tâm lý gia tăng lo ngại về suy thoái kinh tế.

	20/5	% 20/5	19/5	% 19/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1240.71	-0.07%	1241.64	0.07%	4.90%	-13.39%
S&P 500			3900.79	-0.58%	-0.75%	-12.58%
HĐTL S&P500	3941.75	1.13%	3897.75	-0.64%	-1.94%	-11.53%
Shang- hai	3146.57	1.60%	3096.97	0.36%	2.02%	-2.01%
Euro Stoxx	3695.52	1.51%	3640.55	-1.36%	-0.21%	-5.17%

Phân tích kỹ thuật
FCN_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD đang ở dưới đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: xu hướng hồi phục

Nhận định: FCN có một phiên tăng điểm tốt với mẫu hình nến Marubozu và thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Đường MACD hiện vẫn đang ở dưới đường tín hiệu tuy nhiên đang có xu hướng cắt lên, đồng thời chỉ RSI đang cho thấy xu hướng hồi phục trở lại. Đường giá cổ phiếu hiện vẫn ở dưới đường MA20 và MA50. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 16.65, chốt lãi tại ngưỡng 20.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 15.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

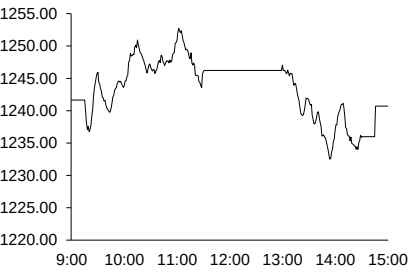
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	6.83%
Truyền thông	4.96%
Hóa chất	2.08%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.88%
Xây dựng và Vật liệu	1.63%
Ô tô và phụ tùng	1.52%
Công nghệ Thông tin	0.74%
Bán lẻ	0.67%
Y tế	0.66%
Bất động sản	0.10%
Ngân hàng	-0.06%
Du lịch và Giải trí	-0.11%
Tài nguyên Cơ bản	-0.13%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.47%
Dầu khí	-0.56%
Dịch vụ tài chính	-0.58%
Bảo hiểm	-0.74%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.92%
Thực phẩm và đồ uống	-1.90%

Hình 1

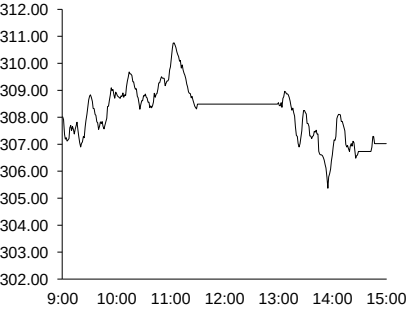
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

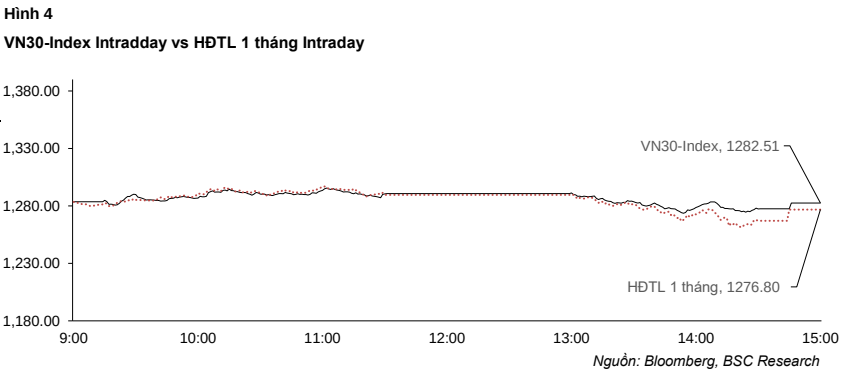
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	32.6	1	3.82%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	37.1	2	6.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	0	4.91%	0.00%	4.91%	2
Cổ phiếu đã chốt	244	212	7.27%	-7.45%	4.30%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1283.50	0.20%	0.99	-24.8%	309,742	5/19/2022	0
VN30F2206	1276.80	0.18%	-5.71	984.4%	317,068	6/16/2022	27
VN30F2209	1274.00	-0.01%	-8.51	50.5%	161	9/15/2022	118
VN30F2212	1263.20	-0.65%	-19.31	-50.0%	31	12/15/2022	209

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -1.04 điểm xuống 1282.51 điểm. Các cổ phiếu như MSN, VNM, HPG, SAB, VCB đã tác động đến nhịp vận động giảm của VN30. Phiên đáo hạn HDTL ngày hôm nay kết thúc bằng cây nến Doji với khối lượng giao dịch thấp dưới trung bình 20 phiên, đồng thời có sự phân kỳ giữa giá và khối lượng, cho thấy xu hướng vận động VN30 đang có dấu hiệu chốt lời của các vị thế Long bắt đáy trước đó.
- Các HDTL hầu hết giảm điểm nhẹ theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2205 và VN30F2212 giảm, các HĐ VN30F2206 và VN30F2209 tăng . Xét về vị thế mở, các HĐ đều có mức tăng điểm, chỉ riêng VN30F2205 giảm. Các nhà đầu tư nên giao dịch ngắn hạn và đóng các vị thế trong phiên.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2201	9/20/2022	123	8:1	212,600	36.73%	2,300	2,300	9.52%	1,967	1.17	105,500	95,500	106,000
CVHM2207	10/19/2022	152	8:1	14,300	26.43%	2,000	1,400	6.06%	337	4.16	84,600	73,000	66,800
CVPB2204	11/15/2022	179	16:1	5,700	35.13%	1,000	800	5.26%	198	4.04	48,328	30,888	30,600
CVNM2205	10/20/2022	153	16:1	400	21.05%	1,000	650	1.56%	48	13.44	143,839	79,999	68,100
CMWG2201	9/20/2022	123	10:1	53,200	30.79%	2,600	1,820	0.55%	1,023	1.78	157,600	134,500	134,000
CVIC2204	8/22/2022	94	16:1	100	25.61%	1,000	640	0.00%	141	4.55	101,093	83,333	77,800
CNVL2204	9/20/2022	123	16:1	1,000	23.92%	1,000	600	0.00%	115	5.21	102,639	85,999	77,800
CVIC2205	10/20/2022	153	16:1	2,000	25.61%	1,100	750	0.00%	159	4.73	105,706	86,666	77,800
CNVL2201	10/5/2022	138	20:1	136,800	23.92%	1,100	440	0.00%	38	11.68	99,979	93,979	77,800
CHPG2208	10/7/2022	140	5:1	238,500	32.81%	2,500	1,130	-2.59%	473	2.39	40,700	40,000	37,650
CVIC2202	8/15/2022	87	16:1	74,800	25.61%	1,100	600	-3.23%	152	3.94	110,222	82,222	77,800
CVIC2206	9/19/2022	122	10:1	4,700	25.61%	1,900	890	-4.30%	316	2.81	107,500	82,500	77,800
CPOW2201	7/15/2022	56	5:1	86,100	50.26%	1,000	200	-4.76%	26	7.75	42,666	16,666	12,800
CVRE2207	10/20/2022	153	8:1	13,100	38.75%	1,000	500	-5.66%	131	3.81	40,213	33,333	27,350
CNVL2202	8/15/2022	87	16:1	5,100	23.92%	1,000	550	-6.78%	188	2.92	87,839	79,999	77,800
CVPB2203	7/15/2022	56	16:1	22,600	35.13%	1,000	440	-8.33%	173	2.55	48,888	28,888	30,600
CVNM2203	8/15/2022	87	20:1	319,000	21.05%	1,000	320	-8.57%	9	36.64	116,111	81,111	125,300
CVNM2204	10/7/2022	140	10:1	25,300	21.05%	1,500	790	-10.23%	212	3.73	84,100	73,000	68,100
CVHM2205	8/15/2022	87	16:1	46,100	26.43%	1,000	330	-10.81%	32	10.37	85,608	78,888	66,800
CVIC2203	10/7/2022	140	10:1	35,100	25.61%	1,200	790	-16.84%	247	3.20	104,600	86,000	77,800
Tổng				1,083,900	28.50%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/05/2022, các chứng quyền giảm nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

CACB2102 và CVIC2109 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 140.00% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 24.80 %, CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 32.16 % thị trường.

CPNJ2201, CMWG2203, CMSN2202, và CMWG2204 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2201, CVPB2204, CHDB2205 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CVPB2203 và CVPB2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	134.0	0.8%	0.6	4,265	5.1	7,030	19.1	4.4	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	106.0	3.8%	0.7	1,117	2.2	5,443	19.5	3.2	52.2%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	50.2	0.2%	1.4	1,620	3.2	2,557	19.6	1.7	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	48.9	0.0%	0.6	498	0.1	3,644	13.4	1.5	58.2%	11.1%
VIC	Bất động sản	77.8	-0.1%	0.5	12,901	7.8	(578) N/A	N/A	2.8	12.6%	-2.4%
VRE	Bất động sản	27.4	-0.2%	1.1	2,702	2.5	401	68.2	2.0	31.2%	3.0%
VHM	Bất động sản	66.8	-0.3%	0.8	12,647	6.7	8,786	7.6	2.3	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	27.0	5.7%	1.5	712	13.4	1,503	17.9	1.8	31.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	28.5	-0.2%	1.6	1,228	20.7	3,023	9.4	1.9	37.2%	22.6%
VCI	Chứng khoán	37.1	-0.5%	1.0	537	6.1	4,884	7.6	1.7	19.5%	26.9%
HCM	Chứng khoán	23.1	-1.1%	1.6	459	4.6	2,619	8.8	1.4	42.3%	17.9%
FPT	Công nghệ	97.5	0.5%	0.9	3,875	6.0	5,152	18.9	4.6	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	71.0	-1.4%	0.4	1,014	0.0	4,926	14.4	3.9	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	104.5	-1.2%	1.0	8,696	1.3	5,109	20.5	3.7	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	40.5	0.0%	1.5	2,237	2.0	1,950	20.8	2.0	17.2%	9.9%
PVS	Dầu khí	27.5	-2.8%	1.6	571	12.9	1,408	19.5	1.1	9.1%	5.5%
BSR	Dầu khí	23.4	2.6%	0.8	3,154	10.1	2,108	11.1	1.9	41.1%	19.1%
DHG	Dược	91.0	-0.4%	0.3	517	0.1	6,105	14.9	3.3	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	55.5	3.7%	1.2	944	13.9	12,920	4.3	1.8	13.1%	50.2%
DCM	Hóa chất	32.6	3.8%	1.2	750	8.3	5,643	5.8	1.9	7.9%	38.9%
VCB	Ngân hàng	75.3	-0.9%	0.9	15,494	2.2	4,855	15.5	3.0	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	34.5	-0.4%	1.2	7,588	1.7	2,266	15.2	2.0	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	25.9	-0.8%	1.5	5,412	5.8	2,558	10.1	1.3	26.0%	13.0%
VPB	Ngân hàng	30.6	0.5%	1.2	5,914	9.9	3,874	7.9	1.6	17.5%	24.0%
MBB	Ngân hàng	27.0	0.9%	1.2	4,435	5.9	3,623	7.5	1.6	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	29.1	1.6%	1.1	3,413	2.4	3,852	7.5	1.6	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	54.8	-0.2%	0.7	195	0.1	3,150	17.4	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	45.5	-1.1%	0.6	233	0.0	3,990	11.4	1.9	17.9%	16.9%
MSR	Tài nguyên	21.0	2.4%	1.4	1,004	0.3	178	118.0	1.6	10.1%	1.4%
HPG	Thép	37.7	-0.7%	1.1	7,322	22.8	7,443	5.1	1.7	21.7%	40.4%
HSG	Thép	21.5	2.6%	1.5	461	6.1	7,157	3.0	0.9	6.8%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	68.1	-1.3%	0.6	6,188	3.9	4,390	15.5	4.4	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	156.5	-3.9%	0.8	4,364	1.2	5,969	26.2	4.7	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	107.8	-2.4%	1.0	6,640	4.4	7,041	15.3	5.6	28.7%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	16.2	0.0%	1.5	442	1.1	1,144	14.1	1.2	8.4%	8.3%
ACV	Vận tải	85.5	-0.6%	0.8	8,093	0.1	363	235.7	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	125.3	0.0%	1.1	2,951	2.7	361	346.7	4.0	16.9%	1.2%
HVN	Vận tải	18.4	0.3%	1.7	1,772	0.8	(6,783) N/A	N/A	27.4	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	49.8	-2.4%	1.0	653	4.2	2,256	22.1	2.3	45.0%	10.8%
PVT	Vận tải	19.4	-0.5%	1.4	273	2.2	2,088	9.3	1.2	11.3%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	88.9	1.0%	0.8	618	0.1	10,540	8.4	2.7	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	39.1	4.3%	0.8	762	2.0	3,677	10.6	2.3	4.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.4	2.2%	1.1	272	0.7	783	20.9	1.2	2.0%	5.6%
CTD	Xây dựng	47.8	0.1%	1.3	153	0.9	(27) N/A	N/A	0.4	45.0%	0.0%
CII	Xây dựng	20.8	6.9%	1.2	228	7.3	1,266	16.4	1.0	10.9%	6.1%
REE	Điện	76.2	-0.4%	-1.4	1,177	3.2	5,994	12.7	2.0	49.0%	16.7%
PC1	Điện	33.4	1.2%	-0.4	341	1.2	3,238	10.3	1.6	5.1%	16.9%
POW	Điện	12.8	0.0%	0.6	1,303	6.0	859	14.9	1.0	2.1%	6.9%
NT2	Điện	21.7	0.7%	0.7	272	0.5	1,933	11.2	1.4	13.9%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	41.0	0.0%	1.5	1,026	4.8	1,154	35.5	1.6	18.6%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	76.0	0%	0.9	3,420	1.5	1,190	63.9	4.8	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	23.70	3.27	0.76	2.38MLN
DIG	58.90	6.32	0.44	8.22MLN
ACB	29.05	1.57	0.31	1.94MLN
MBB	27.00	0.93	0.24	5.04MLN
PNJ	106.00	3.82	0.23	483600

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
SAB	0.00	-1.04	166700	1.11MLN
MSN	0.00	-0.93	930900	607060
VCB	0.00	-0.84	661800	373600
GAS	0.00	-0.63	292900	192700
VNM	0.00	-0.48	1.30MLN	611640

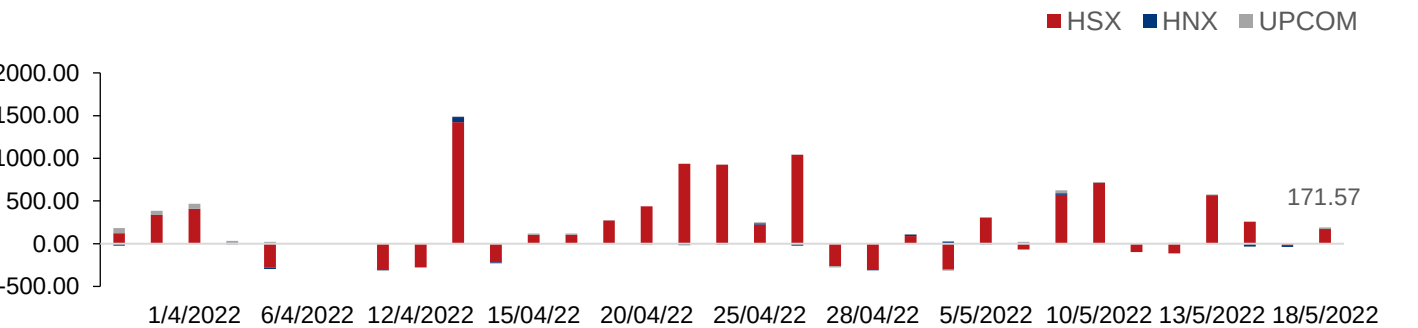
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TVS	33.65	7.00	0.06	123700.00
CKG	19.90	6.99	0.03	1.78MLN
PET	35.40	6.95	0.05	731800
CII	20.80	6.94	0.10	8.17MLN
HAX	20.20	6.88	0.02	897300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EMC	22.60	-7.00	-0.01	2800
LCM	4.05	-6.68	0.00	194100
TMP	61.60	-6.53	-0.08	11000.00
PDN	114.50	-6.15	-0.04	2300
BRC	14.20	-5.96	0.00	4300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	97.5	5,152	18.9	4.6	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.7	2,466	11.6	1.9	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	29.7	11,559	2.6	1.0	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.8	859	14.9	1.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	106.0	5,443	19.5	3.2	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	134.0	7,030	19.1	4.4	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.4	2,088	9.3	1.2	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	213.0	18,902	11.3	5.0	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	37.7	7,443	5.1	1.7	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	41.0	1,154	35.5	1.6	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	28.9	5,084	5.7	1.9	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	27.0	1,503	17.9	1.8	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	108.0	8,596	12.6	4.8	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	40.9	2,136	19.1	2.0	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.3	2,917	9.4	1.7	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	89.1	8,331	10.7	2.6	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	30.8	1,941	15.9	1.4	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.9	3,644	13.4	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	27.5	1,408	19.5	1.1	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	104.5	5,109	20.5	3.7	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	20.2	3,141	6.4	1.3	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	47.8	-27	#N/A N/A	0.4	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.7	1,701	8.6	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.7	1,350	8.7	0.5	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.7	1,350	8.7	0.5	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	14.4	2,433	5.9	1.1	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	106.0	5,443	19.5	3.2	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	106.0	5,443	19.5	3.2	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	134.0	7,030	19.1	4.4	Click
30	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	49.0	2,762	17.7	3.5	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	46.9	1,900	24.7	2.0	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	23.4	2,108	11.1	1.9	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	18.2	1,034	17.6	1.1	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	89.1	8,331	10.7	2.6	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	32.4	2,916	11.1	1.7	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	13.2	689	19.2	1.0	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	23.8	2,054	11.6	1.2	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.1	3019.9	14.6	1.8	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	21.7	1,933	11.2	1.4	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	104.5	5,109	20.5	3.7	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	29.7	11,559	2.6	1.0	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	41.4	1,878	22.0	2.5	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	68.1	4,390	15.5	4.4	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	97.5	5,152	18.9	4.6	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	27.4	401	68.2	2.0	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	213.0	18,902	11.3	5.0	Click
47	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	33.0	6,244	5.3	1.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
6	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
9	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
11	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
14	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
15	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
16	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
18	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
21	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
24	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
31	Banking Sector Outlook		x	Click
32	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
34	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
35	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
36	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
37	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
39	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
40	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
41	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
42	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
43	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
44	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639